

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2024/HS-ST

Ngày: 08 - 8 - 2024

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Văn Bình

+ Bà Nguyễn Thị Minh Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hoàng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Vũ Đắc H, sinh năm: 1994 tại Hải Dương.

Nơi cư trú: **Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương**; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Vũ Đắc B** (đã chết) và bà **Lê Thị H1**. Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 23/11/2023, bị **Công an huyện N**, tỉnh Ninh Thuận xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “**P** tờ rơi quảng cáo cho vay tiền làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trật tự an toàn giao thông xã hội”.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. La Thanh C, sinh năm: 2000 tại Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Xóm C, xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Sán Chay; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông La Văn P1 và bà La Thị T. Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 23/11/2023, bị Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “P tờ rơi quảng cáo cho vay tiền làm ảnh hưởng đến mỹ quan, trật tự an toàn giao thông xã hội”.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị Thu T1, sinh năm 1979; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố C, phường P, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân T2, sinh năm 1958; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố C, phường M, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Phan Thị Hồng Đ, sinh năm 1968; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố B, phường P, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Phạm Thị D, sinh năm 1976; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Lê Thị Tuyết H2, sinh năm 1967; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố B, phường T, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị Diễm T3, sinh năm 1979; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố D, phường B, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Trần Thị H3, sinh năm 1978; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố H, phường Đ, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1971; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Đào Thị D1, sinh năm 1954; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố C, phường P, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Trần Thị B1, sinh năm 1971; (đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị B1:

+ Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1964- Chồng của bà B1; (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Ánh T4 - Con của bà B1 (Vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Ánh V - Con của bà B1 (Vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1995 - Con của bà B1; (Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Khu phố D, phường K, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Hồ Thị Thu V1, sinh năm 1969; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố E, phường T, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị Như D2, sinh năm 1987; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố F, phường Đ, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố C, phường P, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ D3, sinh năm 1985; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố H, phường V, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Lê Thị Thanh M, sinh năm 1991; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Cẩm G, sinh năm 1989; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2023 (Không nhớ rõ ngày), Vũ Đắc H rủ La Thanh C vào TP . - T để cùng nhau cho vay tiền lấy lãi thì C đồng ý, cả hai thuê nhà ở khu phố G, phường V, TP . - T. H và C đã in 1000 tờ quảng cáo cho vay tiền với nội dung “Cho vay trả góp thủ tục đơn giản: Chỉ cần căn cước công dân, giới thiệu có hoa hồng, LH: 0914029094 (Số điện thoại của H) - 0855950628 (Số điện thoại của C)” rải trên các tuyến đường ở địa bàn TP . - T. Khi có người vay tiền thì H hoặc C sẽ đi gặp người vay, số tiền cho vay từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, hình thức vay trả góp tính cả gốc và lãi, người vay phải đóng từ 50.000 đồng đến 250.000 đồng/ngày tùy vào số tiền vay, tương đương lãi suất 511% đến 1.387%/năm, gấp 25,55 đến 69,35 lần so với quy định của Bộ luật dân sự. Trong khoảng thời gian từ ngày 03/9/2023 đến ngày 16/11/2023, H và C đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 16 người, tổng số tiền cho vay là 138.000.000 đồng, (T5 lợi thực tế số tiền 37.740.000 đồng - Số tiền lãi thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 890.411 đồng), thu lợi bất chính 36.849.589 đồng. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên người vay	Ngày vay	Số tiền vay (đồng)	Tiền góp/ngày (đồng)	Số ngày đã góp (trả nợ xong)	Số ngày đang góp (chưa trả nợ xong)	phí hồ sơ + hoa hồng (đồng)	Thu lợi thực tế (đồng)	Thu lợi hợp pháp (đồng)	Thu lợi bất chính (đồng)	% lãi/năm	gấp (lần) mức lãi cho phép	Số dư
1	Phan Thị Hồng Điều, SN 1968, trú tại: Kp2, P Phú Hà, TP PR-TC	29/10/2023	5.000.000	250.000	12	0	650.000	1.900.000	32.877	1.867.123	1.155,83	57,79	
		09/11/2023	5.000.000	250.000	0	12	600.000	1.200.000	32.877	1.167.123	540,20	27,01	2.6
2	Nguyễn Thị Xuân Tập, SN 1958, trú tại: Kp3, P Mỹ Hải, TP PR-TC	30/10/2023	5.000.000	250.000	16	0	650.000	1.900.000	43.836	1.856.164	866,88	43,34	
		15/11/2023	5.000.000	250.000	0	5	500.000	750.000	13.699	736.301	511,00	25,55	4.0
3	Trần Thị Thu Thùy,	21/10/2023	5.000.000	250.000	10	0	650.000	1.900.000	27.397	1.872.603	1,387,00	69,35	

4	SN 1979, trú tại : Kp3, P Phú Hà, TP PR-TC	31/10/2023	5.000.000	250.000	10	0	500.000	1.750.000	27.397	1.722.603	1.277,50	63,88	
		10/11/2023	5.000.000	250.000	0	6	500.000	800.000	16.438	783.562	511,00	25,55	3.8
		06/10/2023	5.000.000	250.000	18	0	650.000	1.900.000	49.315	1.850.685	770,56	38,53	
		24/10/2023	5.000.000	250.000	13	0	500.000	1.750.000	35.616	1.714.384	982,69	49,13	
		06/11/2023	5.000.000	250.000	0	15	500.000	1.250.000	41.096	1.208.904	511,00	25,55	2.0
5	Phạm Thị Diệu (Xương), SN 1979, trú tại: Đắc Nhon 3, Nhơn Sơn, huyện Ninh Sơn Lê Thị Tuyết Hoa, SN 1967, trú tại: Kp3, P Mỹ Đông, TP PR-TC	26/10/2023	5.000.000	250.000	0	23	650.000	1.800.000	63.014	1.736.986	554,80	27,74	40
6	Nguyễn Thị Diễm Thúy, SN 1979, trú tại: Kp4, P Bảo An, TP PR-TC	25/10/2023	5.000.000	250.000	14	0	650.000	1.900.000	38.356	1.861.644	990,71	49,54	
		05/11/2023	3.000.000	150.000	0	12	300.000	660.000	19.726	640.274	511,00	25,55	1.5
		08/11/2023	5.000.000	250.000	0	9	500.000	950.000	24.658	925.342	511,00	25,55	3.2
7	Đào Thị Danh, SN 1954, trú tại: Kp3, P Phú Hà, TP PR- TC	06/11/2023	5.000.000	250.000	0	17	650.000	1.500.000	46.575	1.453.425	554,80	27,74	1.6
8	Trần Thị Hằng, SN 1978, trú tại: Kp8, P Đô Vinh, TP PR- TC	03/09/2023	5.000.000	250.000	0	6	500.000	800.000	16.438	783.562	511,00	25,55	3.8
9	Trần Thị Bé, SN 1971, trú tại: Kp4, P Kinh Dinh, TP PR-TC	23/10/2023	5.000.000	250.000	0	8	650.000	1.050.000	21.918	1.028.082	554,80	27,74	3.4
10	Nguyễn Thị Lan, SN 1965, trú tại: Kp3, P Phú Hà, TP	22/10/2023	5.000.000	250.000	13	0	650.000	1.900.000	35.616	1.864.384	1.066,92	53,35	
		04/11/2023	5.000.000	250.000	0	17	500.000	1.350.000	46.575	1.303.425	511,00	25,55	1.6
11	Nguyễn Thị Đi, SN 1971, trú tại: Ninh Quý 2, Phước Sơn, Ninh Phước	13/10/2023	3.000.000	150.000	22	0	300.000	1.050.000	36.164	1.013.836	580,68	29,03	
		04/11/2023	3.000.000	150.000	0	17	300.000	810.000	27.945	782.055	511,00	25,55	96
		16/11/2023	1.000.000	50.000	0	5	100.000	150.000	2.740	147.260	511,00	25,55	80
12	Hồ Thị Thu Vân, SN 1969, trú tại: Kp5, P Tân Tài, TP PR-TC	24/9/2023	5.000.000	250.000	12	0	650.000	1.900.000	32.877	1.867.123	1.155,83	57,79	
		6/10/2023	5.000.000	250.000	0	4	500.000	700.000	10.959	689.041	511,00	25,55	4.2
13	Nguyễn Thị Như Diễm, SN 1987, trú tại: Kp6, P Đạo Long, TP PR-TC	30/10/2023	5.000.000	250.000	15	0	650.000	1.900.000	41.096	1.858.904	924,67	46,23	
		14/11/2023	5.000.000	250.000	0	5	500.000	750.000	13.699	736.301	511,00	25,55	4.0
14	Nguyễn Thị Mỹ Dẽ (Như), SN 1985, trú tại Kp4, P Văn Hải, TP PR-TC	14/11/2023	5.000.000	250.000	0	7	300.000	650.000	19.178	630.822	452,60	22,63	
15	Lê Thị Thanh Mai, SN 1991, trú tại Vạn Phước, xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước	05/11/2023	3.000.000	150.000	0	14	300.000	720.000	23.014	696.986	511,00	25,55	1.3
16	Nguyễn Cẩm Giang, SN 1989, trú tại Thạch Hà, xã Quảng Sơn, huyện Ninh Sơn	02/11/2023	5.000.000	250.000	11	0	500.000	1.750.000	30.137	1.719.863	1.161,36	58,07	
		13/11/2023	5.000.000	250.000	0	7	0	350.000	19.178	330.822	365,00	18,25	3.6
	Tổng		138,000,000					37,740,000	890,411	36,849,589			42.8

Cáo trạng số: 126/CT-VKSPRTC ngày 23/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận truy tố các bị cáo Vũ Đắc H, La

Thanh C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang-T, tỉnh **Ninh Thuận** vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Các bị cáo **Vũ Đắc H**, **La Thanh C** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 201; Điểm i (phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng), điểm s (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải) khoản 1 Điều 51; của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt các bị cáo **Vũ Đắc H**, **La Thanh C** mức án từ 12 đến 15 tháng Cải tạo không giam giữ.

- Về biện pháp tư pháp:

+ Số tiền 1.030.000 đồng; 01 điện thoại Nokia, loại bàn phím, màu đen, gắn sim số 0914029094; 01 điện thoại, hiệu Samsung, màu đen, gắn sim số 0563632999 của **Vũ Đắc H**. 01 điện thoại Iphone 6, màu vàng, gắn sim số 0877951866; 01 điện thoại Nokia, loại bàn phím, màu xanh, gắn sim số 0855950628 của **La Thanh C**. Đây là số tiền thu lợi bất chính, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đề nghị tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước là có căn cứ.

+ 01 xe mô tô, hiệu Blade, màu đỏ đen, biển số: 71B3-127.30, thuộc quyền sở hữu của bà **Lê Thị H1** (Sinh năm: 1968, trú tại: **V**, **Thanh C1**, **T**, **Hải Dương** là mẹ của **Vũ Đắc H**) và 01 xe mô tô, hiệu Wave Alpha, màu đỏ đen bạc, biển số: 85D1-435.41, thuộc quyền sở hữu của chị **Trần Thị T6** (Sinh năm: 1992, trú tại: **Khu phố C, phường D, TP . - T**). Khi cho mượn xe, bà **H1**, chị **T6** không biết việc **H**, **La Thanh C** sử dụng xe của mình để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà **H1**, chị **T6** là có căn cứ.

+ Đề nghị: Buộc **Vũ Đắc H**, **La Thanh C** phải giao nộp số tiền 95.020.411 đồng (Số tiền 95.160.000 đồng là khoản tiền dùng cho vay và số tiền 890.411 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự đã thu của người vay) (Đã trừ đi số tiền 1.030.000 đồng đang bị tạm giữ). Buộc bà **Phan Thị Hồng Đ** giao nộp số tiền 2.600.000 đồng; bà **Nguyễn Thị Xuân T2** nộp số tiền 4.000.000 đồng; chị **Trần Thị Thu T1** nộp số tiền 3.800.000 đồng; chị **Phạm Thị D** nộp số tiền 2.000.000 đồng; bà **Lê Thị Tuyết H2** nộp số tiền 400.000 đồng; chị **Nguyễn Thị Diễm T3** nộp số tiền 4.760.000 đồng; bà **Đào Thị D1** nộp số tiền 1.600.000 đồng; chị **Trần Thị H3** nộp số tiền 3.800.000 đồng; chị **Trần Thị B1** nộp

số tiền 3.400.000 đồng; bà Nguyễn Thị L nộp số tiền 1.600.000 đồng; chị Nguyễn Thị Đ1 nộp số tiền 1.760.000 đồng; bà Hồ Thị Thu V1 nộp số tiền 4.200.000 đồng; bà Nguyễn Thị Như D2 nộp số tiền 4.000.000 đồng; bà Lê Thị Thanh M nộp số tiền 1.320.000 đồng; bà Nguyễn Cẩm G nộp số tiền 3.600.000 đồng là khoản tiền mà Vũ Đắc H, La Thanh C dùng để cho vay nhưng những người vay chưa trả để sung vào Ngân sách Nhà nước.

+ Buộc Vũ Đắc H, La Thanh C phải trả lại cho Phan Thị Hồng Đ số tiền 3.034.246 đồng; Nguyễn Thị Xuân T2 số tiền 2.592.466 đồng; Trần Thị Thu T1 số tiền 4.378.768 đồng; Phạm Thị D số tiền 4.773.973 đồng; Lê Thị Tuyết H2 số tiền 1.736.986 đồng; Nguyễn Thị Diễm T3 3.427.260 đồng; Đào Thị Danh số tiền 1.453.425 đồng; Trần Thị Hằng số tiền 783.562 đồng; Trần Thị B1 số tiền 1.028.082 đồng; Nguyễn Thị L số tiền 3.167.809 đồng; Nguyễn Thị Đ1 số tiền 1.943.151 đồng; Hồ Thị Thu V1 số tiền 2.556.164 đồng; Nguyễn Thị Như D2 2.595.205 đồng; Nguyễn Thị Mỹ D3 số tiền 630.822 đồng; Lê Thị Thanh M số tiền 696.986 đồng; Nguyễn Cẩm G số tiền 2.050.685 đồng là số tiền thu lợi bất chính mà Vũ Đắc H, La Thanh C thực tế đã thu là có căn cứ.

Các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo H: Không nói lời nói sau cùng.

Bị cáo C: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an thành phố P - T; Cơ quan điều tra Công an tỉnh N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 03/9/2023 đến ngày 16/11/2023, trên địa bàn thành phố P-T, Vũ Đắc H, La Thanh C

đã thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất từ 511%/năm đến 1387%/năm) cao gấp từ 25,55 lần đến 69,35 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Cụ thể, quá trình điều tra, xác định được **Vũ Đắc H**, **La Thanh C** đã cho 16 người vay tiền (gồm bà **Phan Thị Hồng Đ**, bà **Nguyễn Thị Xuân T2**, bà **Trần Thị Thu T1**, bà **Phạm Thị D**, bà **Lê Thị Tuyết H2**, bà **Nguyễn Thị Diễm T3**, bà **Đào Thị D1**, bà **Trần Thị H3**, bà **Trần Thị B1**, bà **Nguyễn Thị L**, bà **Nguyễn Thị Đ1**, bà **Hồ Thị Thu V1**, bà **Nguyễn Thị Như D2**, bà **Nguyễn Thị Mỹ D3**, bà **Lê Thị Thanh M**, bà **Nguyễn Cẩm G**) với tổng số tiền cho vay là 138.000.000 đồng, thu lợi bất chính 36.849.589 đồng (ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng). Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng số: 126/CT-VKSPRTC ngày 23-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang-T truy tố các bị cáo **Vũ Đắc H**, **La Thanh C** về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có khả năng lao động nhưng không chịu kiếm tiền chân chính mà lại lợi dụng khó khăn về tài chính của người khác để thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà còn xâm phạm đến quyền lợi của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo như sau: Các bị cáo **Vũ Đắc H**, **La Thanh C** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo **Vũ Đắc H** rủ rê bị cáo **La Thanh C** thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, thực hiện hành vi cho vay lãi nặng tích cực hơn nên phải chịu mức án cao hơn. Xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

[5.1] Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 điện thoại Nokia, loại bàn phím, màu đen, gắn sim số 0914029094, 01 điện thoại, hiệu Samsung, màu đen, gắn sim số 0563632999 của **Vũ Đắc H**; 01 điện thoại Iphone 6, màu vàng, gắn sim số

0877951866; 01 điện thoại Nokia, loại bàn phím, màu xanh, gắn sim số 0855950628 của **La Thanh C**. Đây là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước là có căn cứ.

[5.2] 01 xe mô tô, hiệu Blade, màu đỏ đen, biển số: 71B3-127.30, thuộc quyền sở hữu của bà **Lê Thị H1** (Sinh năm: 1968, trú tại: **V, Thanh C1, T, Hải Dương** là mẹ của **Vũ Đắc H**) và 01 xe mô tô, hiệu Wave Alpha, màu đỏ đen bạc, biển số: 85D1-435.41, thuộc quyền sở hữu của bà **Trần Thị T6** (Sinh năm: 1992, trú tại: **Khu phố C, phường Đ, TP. - T**). Khi cho mượn xe, bà **H1**, chị **T6** không biết việc **Vũ Đắc H, La Thanh C** sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bà **H1**, bà **T6** là có căn cứ.

[5.3] Đối với số tiền 138.000.000 đồng mà **Vũ Đắc H, La Thanh C** dùng để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Trong đó:

[5.3.1] Số tiền vay những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho **Vũ Đắc H, La Thanh C** gồm bà **Phan Thị Hồng Đ** số tiền 2.600.000 đồng; bà **Nguyễn Thị Xuân T2** số tiền 4.000.000 đồng; chị **Trần Thị Thu T1** số tiền 3.800.000 đồng; chị **Phạm Thị D** số tiền 2.000.000 đồng; bà **Lê Thị Tuyết H2** số tiền 400.000 đồng; chị **Nguyễn Thị Diễm T3** số tiền 4.760.000 đồng; bà **Đào Thị Danh s** tiền 1.600.000 đồng; chị **Trần Thị Hằng s1** tiền 3.800.000 đồng; bà **Trần Thị B1** số tiền 3.400.000 đồng; bà **Nguyễn Thị L** số tiền 1.600.000 đồng; chị **Nguyễn Thị Đ1** số tiền 1.760.000 đồng; bà **Hồ Thị Thu V1** số tiền 4.200.000 đồng; bà **Nguyễn Thị Như D2** số tiền 4.000.000 đồng; bà **Lê Thị Thanh M** số tiền 1.320.000 đồng; bà **Nguyễn Cẩm G** số tiền 3.600.000 đồng. Do đó, buộc bà **Phan Thị Hồng Đ**, bà **Nguyễn Thị Xuân T2**, bà **Trần Thị Thu T1**, bà **Phạm Thị D**, bà **Lê Thị Tuyết H2**, bà **Nguyễn Thị Diễm T3**, bà **Đào Thị D1**, bà **Trần Thị H3**, bà **Nguyễn Thị L**, bà **Nguyễn Thị Đ1**, bà **Hồ Thị Thu V1**, bà **Nguyễn Thị Như D2**, bà **Lê Thị Thanh M**, bà **Nguyễn Cẩm G** phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền đã vay chưa trả cho **Vũ Đắc H, La Thanh C**. Tại phiên tòa, các bị cáo **Vũ Đắc H, La Thanh C** đồng ý nộp thay bà **Trần Thị B1** số tiền gốc chưa trả nên buộc các bị cáo nộp số tiền 3.400.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[5.3.2] Số tiền vay những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho **Vũ Đắc H, La Thanh C** là 95.160.000 đồng, buộc **Vũ Đắc H, La Thanh C** phải liên đới nộp lại số tiền này.

[5.4] Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 890.411 đồng (làm tròn 890.000 đồng) là khoản tiền phát sinh từ

tội phạm nên buộc các bị cáo **Vũ Đắc H**, **La Thanh C** liên đới nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[5.5] Đối với số tiền thu lợi bất chính 36.849.589 đồng: Buộc các bị cáo **Vũ Đắc H**, **La Thanh C** phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà **Phan Thị Hồng Đ** số tiền 3.034.246 đồng (làm tròn 3.034.000 đồng); bà **Nguyễn Thị Xuân T2** số tiền 2.592.465 đồng (làm tròn 2.592.000 đồng); bà **Trần Thị Thu T1** số tiền 4.378.768 đồng (làm tròn 4.379.000 đồng); bà **Phạm Thị D** số tiền 4.773.973 đồng (làm tròn 4.774.000 đồng); bà **Lê Thị Tuyết H2** số tiền 1.736.986 đồng (làm tròn 1.737.000 đồng); bà **Nguyễn Thị Diễm T3** 3.427.260 đồng (làm tròn 3.427.000 đồng); bà **Đào Thị Danh s** tiền 1.453.425 đồng (làm tròn 1.453.000 đồng); bà **Trần Thị Hằng s1** tiền 783.562 đồng (làm tròn 784.000 đồng); ông **Nguyễn Văn Q**, bà **Nguyễn Thị Ánh T4**, bà **Nguyễn Thị Ánh V**, ông **Nguyễn Văn S** (người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà **Trần Thị B1**) số tiền 1.028.082 đồng (làm tròn 1.028.000 đồng); bà **Nguyễn Thị L** số tiền 3.167.809 đồng (làm tròn 3.168.000 đồng); bà **Nguyễn Thị Đ1** số tiền 1.943.151 đồng (làm tròn 1.943.000 đồng); bà **Hồ Thị Thu V1** số tiền 2.556.164 đồng (làm tròn 2.556.000 đồng); **Nguyễn Thị Như D2** 2.595.205 đồng (làm tròn 2.595.000 đồng); bà **Nguyễn Thị Mỹ D3** số tiền 630.822 đồng (làm tròn 631.000 đồng); bà **Lê Thị Thanh M** số tiền 696.986 đồng (làm tròn 697.000 đồng); bà **Nguyễn Cẩm G** số tiền 2.050.685 đồng (làm tròn 2.051.000 đồng).

[6] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát về việc định tội và định khung hình phạt; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

1.1 Tuyên bố: Các bị cáo **Vũ Đắc H**, **La Thanh C** phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1.2 Xử phạt:

Bị cáo **Vũ Đắc H** 20 (hai mươi) tháng Cải tạo không giam giữ.

Bị cáo **La Thanh C** 18 (mười tám) tháng Cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo **Vũ Đắc H** cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo **Vũ Đắc H** có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo **La Thanh C** cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo **La Thanh C** có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

1.3 Hình phạt bổ sung:

Phạt bổ sung bị cáo **Vũ Đắc H** số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Phạt bổ sung bị cáo **La Thanh C** số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ: Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1 Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Nokia, loại bàn phím, màu đen, gắn sim số 0914029094, 01 điện thoại, hiệu Samsung, màu đen, gắn sim số 0563632999; 01 điện thoại Iphone 6, màu vàng, gắn sim số 0877951866; 01 điện thoại Nokia, loại bàn phím, màu xanh, gắn sim số 0855950628.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25-6-2024 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang-T, tỉnh Ninh Thuận và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận).

2.2 Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các khoản tiền sau:

Bị cáo **Vũ Đắc H**, **La Thanh C** phải nộp số tiền 95.160.000 đồng, số tiền 890.000 đồng và số tiền 3.400.000 đồng, tổng cộng 99.450.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước. Trong đó, khấu trừ vào số tiền đang tạm giữ là 1.030.000 đồng (Theo Ủy nhiệm chi lập ngày 31-5-2024 tại Kho bạc nhà nước N giữa Công an thành phố P- T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- T). Buộc các bị cáo **Vũ Đắc H**, **La Thanh C** có nghĩa vụ liên đới nộp lại số tiền sau khi khấu trừ là 98.420.000 đồng (Chín mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Phan Thị Hồng Đ** nộp lại số tiền vay chưa trả là 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Nguyễn Thị Xuân T2** nộp lại số tiền vay chưa trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Trần Thị Thu T1** nộp lại số tiền vay chưa trả là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Phạm Thị D** nộp lại số tiền vay chưa trả là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Lê Thị Tuyết H2** nộp lại số tiền vay chưa trả là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Nguyễn Thị Diễm T3** nộp lại số tiền vay chưa trả là 4.760.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Đào Thị D1** nộp lại số tiền vay chưa trả là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Trần Thị H3** nộp lại số tiền vay chưa trả là 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Nguyễn Thị L** nộp lại số tiền vay chưa trả là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Nguyễn Thị Đ1** nộp lại số tiền vay chưa trả là 1.760.000 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Hồ Thị Thu V1** nộp lại số tiền vay chưa trả là 4.200.000 đồng (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Nguyễn Thị Như D2** nộp lại số tiền vay chưa trả là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Lê Thị Thanh M** nộp lại số tiền vay chưa trả là 1.320.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Buộc bà **Nguyễn Cẩm G** nộp lại số tiền vay chưa trả là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2.3 Buộc các bị cáo **Vũ Đắc H, **La Thanh C** có nghĩa vụ liên đới trả lại cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính, cụ thể như sau:**

Trả lại cho bà **Phan Thị Hồng Đ** số tiền: 3.034.000 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Xuân T2** số tiền: 2.592.000 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Trả lại cho bà **Trần Thị Thu T1** số tiền: 4.379.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Trả lại cho bà **Phạm Thị D** số tiền: 4.774.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn đồng)

Trả lại cho bà **Lê Thị Tuyết H2** số tiền 1.737.000 đồng (Một triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Diễm T3** số tiền 3.427.000 đồng (Ba triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Trả lại cho bà **Đào Thị Danh s** tiền 1.453.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Trả lại cho bà **Trần Thị Hằng s1** tiền 784.000 đồng (Bảy trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà **Trần Thị B1** là ông **Nguyễn Văn Q**, bà **Nguyễn Thị Ánh T4**, bà **Nguyễn Thị Ánh V**, ông **Nguyễn Văn S** số tiền 1.028.000 đồng (Một triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Trả lại cho bà **Nguyễn Thị L** số tiền 3.168.000 đồng (Ba triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Đ1** số tiền 1.943.000 đồng (Một triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Trả lại bà **Hồ Thị Thu V1** số tiền 2.556.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Trả lại bà **Nguyễn Thị Như D2** số tiền 2.595.000 đồng (Hai triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà **Nguyễn Thị Mỹ D3** số tiền 631.000 đồng (Sáu trăm ba mươi một nghìn đồng).

Trả lại cho bà **Lê Thị Thanh M** số tiền 697.000 đồng (Sáu trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

Trả lại bà **Nguyễn Cẩm G** số tiền 2.051.000 đồng (Hai triệu không trăm năm mươi một nghìn đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo **Vũ Đắc H**, **La Thanh C**, mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; có mặt các bị cáo; quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QL&NV liên quan;
- VKSND TP. PR-TC;
- CQĐT Công an TP. PR-TC;
- CQTHAHS Công an TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Trần Thanh Thu

- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.